TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01- 2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Phan văn Thật.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Luận, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Hùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 530/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Nguyễn Lan Ph**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 254/12, ấp TP, xã Sơn Đ, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành T,** sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Thủy T, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Lan Ph có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trịnh Nguyễn Lan Ph trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đ, huyện

CL, tỉnh Bến Tre vào năm 2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm. Từ năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do anh T không chăm lo gia đình. Đến năm 2018 anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại huyện CL, tỉnh Tiền Giang nên vào tháng 9 năm 2018 chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh T, nhưng vì muốn tạo cơ hội cho anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, đến nay anh T vẫn không thay đổi tính tình, vợ chồng chị vẫn sống ly thân. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên chị Ph yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 08/7/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 14/9/2008, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và cũng theo nguyện vọng của các con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

***** Tại bản tự khai ngày 07/01/2019 bị đơn là anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh và chị Ph có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đ. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn anh chịu ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 08/7/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 14/9/2008, hai con ở với mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lan Ph với anh Nguyễn Thành T là có căn cứ. Bởi anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đ, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Năm 2008, anh chị phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đến tháng 9 năm 2018 chị Ph nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre. Sau đó, chị Ph rút đơn xin ly hôn để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng đến nay hôn nhân giữa hai anh chị vẫn không thể hàn gắn lại được. Tại bản tự khai ngày 07/01/2019 anh T đồng ý ly hôn với chị Ph và đồng ý giao hai con chung cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, và anh T cũng đồng ý ly hôn. Nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lan Ph với anh T. Về con chung giao hai con chung tên Nguyễn

Thiên A, sinh ngày 08/7/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 14/9/2008 cho chị Trịnh Nguyễn Lan Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ph không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thành T là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Nguyễn Lan Ph và anh Nguyễn Thành T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đ, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh T không quan tâm chăm lo cho gia đình, dẫn đến anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 07/01/2019 anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Lan Ph. Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Nguyễn Lan Ph với anh Nguyễn Thành T.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 08/7/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 14/9/2008 cả hai đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Tại bản tự khai ngày 07/1/2019 anh T đồng ý giao con hai chung cho chị Lan Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với pháp luật được qui định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao hai con chung là Thiên Ân và Thiên Thư cho chị Trịnh Nguyễn Lan Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Lan Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về T sản chung, nợ chung: Chị Lan Ph trình bày không có, chỉ có T sản riêng của anh T, do cha mẹ anh T cho riêng anh T. Như vậy, T sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lan Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Nguyễn Lan Ph.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Nguyễn Lan Ph với anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 08/7/2006 và Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 14/9/2008 cho chị Trịnh Nguyễn Lan Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi chung do chị Lan Ph không yêu cầu.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về T sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trịnh Nguyễn Lan Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 16115 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, như vậy chị Ph đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Sơn Đ,
huyện CL, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Phan Minh Trâm